

HL, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HL – TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 27/2020/TLST - VHNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Hữu L - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn MĐ, xã ML, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Vũ Thị H - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Thanh Hoá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên đăng ký kết hôn ngày 20/4/2015 tại UBND xã ĐL, huyện HL. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L và chị H thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung: cháu đầu tên là Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 22/5/2012, cháu thứ hai tên là Nguyễn V, sinh ngày 23/10/2015. Hiện cháu Nh và cháu V đang ở với anh L.

Vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu Nh và V cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 500.000đ/tháng, cả hai cháu là 1.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu Nh và cháu V đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung: cháu đầu tên là Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 22/5/2012, cháu thứ hai tên là Nguyễn V, sinh ngày 23/10/2015. Hiện cháu Nh và cháu V đang ở với anh L.

Vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu Nh và V cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 500.000đ/tháng, cả hai cháu là 1.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu Nh và cháu V đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản và công nợ:** Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu L và chị Vũ Thị H thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh L, chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HL theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0007875 ngày 17 tháng 02 năm 2020. Chấp nhận anh L, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện HL;
- UBND xã ĐL, H. HL;
- Chi cục THADS huyện HL
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Lê Nam Văn